

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Ngô Tấn Hồng	Chủ tịch	
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2022
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên	
Ông Trần Nhất Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Lương Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2022

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng	
Ông Trần Vĩnh Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Nguyễn Minh Hoài	Thành viên	

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hoài	Trưởng ban
Bà Trần Thị Minh Hà	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Huy Khôi	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Nguyễn Lương Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Huy Khôi, Quyền Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Huy Khôi
Quyền Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Số: 353/2022/BCSX-E.AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông;
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 07 năm 2022, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.683.593.813	83.159.622.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	41.082.825.783	33.344.428.833
1. Tiền	111		253.823.548	104.886.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.829.002.235	33.239.542.635
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.262.615.490	15.867.026.610
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.262.615.490	15.867.026.610
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.239.603.184	24.000.130.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	10.066.731.082	22.725.375.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	541.761.379	726.586.379
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	631.110.723	548.168.292
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	486.387.264	532.248.734
1. Hàng tồn kho	141		486.387.264	532.248.734
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.612.162.092	9.415.788.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	409.980.401	302.942.491
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.227.859.900	9.010.097.183
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	974.321.791	102.748.438
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		435.480.684.872	452.208.455.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		421.158.780.430	437.879.820.930
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	416.139.028.977	432.849.257.867
Nguyên giá	222		652.188.006.303	650.071.894.466
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(236.048.977.326)	(217.222.636.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	5.019.751.453	5.030.563.063
Nguyên giá	228		5.142.799.409	5.142.799.409
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(123.047.956)	(112.236.346)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.971.538.267	10.110.464.190
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	9.971.538.267	10.110.464.190
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.350.366.175	4.218.169.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	1.801.525.605	1.669.329.324
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.548.840.570	2.548.840.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		525.164.278.685	535.368.077.906

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.476.564.343	166.487.838.504
I. Nợ ngắn hạn	310		9.262.615.358	26.026.561.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	205.452.775	233.175.786
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	2.357.028.046	5.458.589.562
3. Phải trả người lao động	314		842.252.500	9.414.831.926
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	1.168.572.102	235.059.788
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	2.997.873.634	3.526.993.203
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	-	6.247.328.210
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.691.436.301	910.582.882
II. Nợ dài hạn	330		123.213.948.985	140.461.277.147
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	123.213.948.985	140.461.277.147
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.687.714.342	368.880.239.402
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	392.687.714.342	368.880.239.402
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.131.301.456	1.131.301.456
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.192.502.886	34.385.027.946
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		30.503.084.946	2.960.971.317
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.689.417.940	31.424.056.629
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		525.164.278.685	535.368.077.906



Lê Huy Khôi
 Quyền Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Đặng Thị Thu Nga
 Kế toán trưởng

Diệp Lệ Trúc Xuyên
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	70.077.037.121	56.416.719.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.077.037.121	56.416.719.872
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.740.991.487	28.119.484.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.336.045.634	28.297.235.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.025.028.617	692.156.589
7. Chi phí tài chính	22	5.4	5.639.191.391	6.585.233.747
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.639.191.391</i>	<i>6.584.210.751</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.278.335.938	4.515.031.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.443.546.922	17.889.126.524
11. Thu nhập khác	31	5.6	10.000.000	12.320.000
12. Chi phí khác	32	5.7	135.734.620	25.930.342
13. Lợi nhuận khác	40		(125.734.620)	(13.610.342)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.317.812.302	17.875.516.182
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.628.394.362	923.466.105
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.689.417.940	16.952.050.077
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	831	446
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	831	446



Lê Huy Khôi
 Quyền Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Đặng Thị Thu Nga
 Kế toán trưởng

Diệp Lệ Trúc Xuyên
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.317.812.302	17.875.516.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.954.619.380	18.476.824.455
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.416.932)	1.022.996
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(877.578.390)	(692.156.589)
Chi phí lãi vay	06		5.639.191.391	6.584.210.751
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.032.627.751	42.245.417.795
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.656.395.265	18.373.583.867
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		45.861.470	(104.749.833)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.255.429.090)	(9.071.454.013)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(239.234.191)	180.715.616
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.705.037.356)	(6.670.912.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.499.967.715)	(812.532.800)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		600.000.000	1.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.701.089.581)	(2.939.967.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42.934.126.553	41.201.100.587
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.083.769.230)	(471.301.016)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.395.588.880)	(448.767.120)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		881.924.447	660.075.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.597.433.663)	(259.992.340)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(23.494.656.372)	(28.247.328.186)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(105.056.500)	(2.644.143.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.599.712.872)	(30.891.471.886)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33.344.428.833	14.105.274.346
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.416.932	(1.022.996)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		41.082.825.783	24.153.887.711



Lê Huy Khôi
Quyển Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Đặng Thị Thu Nga
Kê toán trưởng

Diệp Lệ Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 06 năm 2022 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường HNX tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, thang máy, hệ thống điều hòa, thông gió, thiết bị phòng cháy, cấp thoát nước, đường ống công nghệ và áp lực, thiết bị điện lạnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho xây dựng, vật tư, thiết bị điện;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Kon Tum	Thôn Măng Đen, Thị Trấn Măng Đen, Huyện Kon Plong, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị	Thôn Húc Nghi, Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án thủy điện, phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho còn lại và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2022</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Đối với máy móc, thiết bị và phương tiện truyền dẫn của Nhà máy Thủy điện Đăk Ponê bao gồm: thiết bị thủy điện, đường ống áp lực, đường dây và trạm biến áp nâng. Công ty khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy tính như sau:

- | | |
|---------------------|------------------------|
| | <u>Năm 2022</u> |
| ▪ Phần mềm máy tính | 5 – 10 năm |

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đăk Pône Tỉnh Kon Tum áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2010 đến năm 2024); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động kinh doanh điện thương phẩm. Được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		139.120.246		8.175.841
+ VND		139.120.246		8.175.841
Tiền gửi ngân hàng		114.703.302		96.710.357
+ VND		36.439.479		28.073.264
+ USD	3.376,06 #	78.263.823	3.026,06 #	68.637.093
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		40.829.002.235		33.239.542.635
+ VND		40.829.002.235		32.959.419.935
+ USD		-	12.350,00 #	280.122.700
Cộng		41.082.825.783		33.344.428.833

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	26.262.615.490	26.262.615.490	15.867.026.610	15.867.026.610
Cộng	26.262.615.490	26.262.615.490	15.867.026.610	15.867.026.610

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	10.066.731.082	22.725.375.932
Cộng	10.066.731.082	22.725.375.932
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	10.066.731.082	22.725.375.932

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện ĐaKrông	174.040.000	-
Công ty TNHH XD và PTNT Quảng Trị	296.058.000	296.058.000
Công ty TNHH Nguyễn Nguyên Phát	-	197.798.000
Trung tâm Thẩm định và Kiểm định Tài nguyên nước	-	167.067.000
Các đối tượng khác	71.663.379	65.663.379
Cộng	541.761.379	726.586.379

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	159.681.392	-	28.292.829	-
Phải thu khác	471.429.331	-	519.875.463	-
Cộng	631.110.723	-	548.168.292	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	-	-	10.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	486.387.264	-	532.248.734	-
Cộng	486.387.264	-	532.248.734	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí kiểm định, bảo hiểm, chi phí khác	409.980.401	302.942.491
Cộng	409.980.401	302.942.491
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	828.818.545	992.888.754
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí khác	972.707.060	676.440.570
Cộng	1.801.525.605	1.669.329.324

4.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.514.083.879	5.787.825.675	7.568.355.560	-	3.294.613.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	974.321.791	-	1.628.394.362	2.499.967.715	102.748.438	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	100.323.036	1.940.673.396	1.849.875.723	-	9.525.363
Thuế tài nguyên	-	535.734.063	4.424.400.765	5.442.908.073	-	1.554.241.371
Thuế khác, phí và lệ phí	-	206.887.068	2.662.077.188	3.055.399.184	-	600.209.064
Cộng	974.321.791	2.357.028.046	16.443.371.386	20.416.506.255	102.748.438	5.458.589.562

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	426.584.779.087	204.299.013.762	18.698.633.644	489.467.973	650.071.894.466
XDCB hoàn thành	1.534.674.733	834.638.767	-	-	2.369.313.500
Giảm khác	-	(253.201.663)	-	-	(253.201.663)
Tại ngày 30/06/2022	428.119.453.820	204.880.450.866	18.698.633.644	489.467.973	652.188.006.303
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	106.877.973.986	100.716.500.674	9.281.517.855	346.644.084	217.222.636.599
Khấu hao trong kỳ	10.447.575.679	8.067.864.865	385.481.891	42.885.335	18.943.807.770
Giảm khác	-	(117.467.043)	-	-	(117.467.043)
Tại ngày 30/06/2022	117.325.549.665	108.666.898.496	9.666.999.746	389.529.419	236.048.977.326
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	319.706.805.101	103.582.513.088	9.417.115.789	142.823.889	432.849.257.867
Tại ngày 30/06/2022	310.793.904.155	96.213.552.370	9.031.633.898	99.938.554	416.139.028.977

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 263.914.341.610 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 2.826.375.623 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2022	-	112.236.346	112.236.346
Khấu hao trong kỳ	-	10.811.610	10.811.610
Tại ngày 30/06/2022	-	123.047.956	123.047.956
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	4.857.693.636	172.869.427	5.030.563.063
Tại ngày 30/06/2022	4.857.693.636	162.057.817	5.019.751.453

Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – Giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 68.873.653 VND.

Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dự án thủy điện Đăk Pône NMTĐ hồ B	7.276.530.409	7.509.159.864
Biệt thự PC3-INVEST	299.403.400	158.905.127
Dự án điện gió Tân Lập	2.395.604.458	2.375.604.458
Di dời ĐZ35kV Đăk Rông	-	66.794.741
Cộng	9.971.538.267	10.110.464.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Nhị Hà	-	-	12.278.750	12.278.750
Công ty TNHH Huy Hùng Hiệp	-	-	27.300.000	27.300.000
Công ty TNHH MTV Vĩnh Sơn	25.796.427	25.796.427	25.796.427	25.796.427
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thành Ngân Quỳnh	-	-	136.261.166	136.261.166
Công ty TNHH Nguyễn Nguyên Phát	104.986.155	104.986.155	-	-
Các đối tượng khác	74.670.193	74.670.193	31.539.443	31.539.443
Cộng	205.452.775	205.452.775	233.175.786	233.175.786
Trong đó, Phải trả người bán với bên liên quan - Xem thêm mục 8	-	-	3.778.192	3.778.192

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	169.213.823	235.059.788
Trích trước chi phí xây dựng đường dây 35 kV (Nhà máy thủy điện Đăk Rông)	740.146.679	-
Chi phí phải trả khác	259.211.600	-
Cộng	1.168.572.102	235.059.788

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	2.981.574.600	3.086.631.100
Phải trả khác	16.299.034	440.362.103
Cộng	2.997.873.634	3.526.993.203

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả:	-	-	4.184.788.630	10.432.116.840	6.247.328.210	6.247.328.210
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	-	-	4.184.788.630	10.432.116.840	6.247.328.210	6.247.328.210
Cộng	-	-	4.184.788.630	10.432.116.840	6.247.328.210	6.247.328.210
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	123.213.948.985	123.213.948.985	-	17.247.328.162	140.461.277.147	140.461.277.147
Cộng	123.213.948.985	123.213.948.985	-	17.247.328.162	140.461.277.147	140.461.277.147

(*) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014:

- Số tiền vay: 230.000.000.000 VND.
- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 06/02/2015).
- Thời hạn ân hạn gốc: 27 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất vay trong hạn: Áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ bằng: lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau bình quân 5 Ngân hàng thương mại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), + biên độ lãi suất là 2,2%/năm. Lãi suất vay trong hạn của chu kỳ đầu tiên được xác định vào ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày 06/02/2015): 8,72%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị.
- Bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp toàn bộ công trình Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 công suất 12MW tại Xã Húc Nghi, Huyện Đa Krông, Tỉnh Quảng Trị hình thành từ vốn vay và vốn tự có (bao gồm bất động sản, máy móc thiết bị và các động sản khác).

Chi tiết theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay là Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/BĐ-PC3I ngày 22/10/2014.

Giá trị tài sản đảm bảo: Tổng giá trị tài sản tính theo Tổng mức đầu tư trước thuế GTGT dự án Nhà máy thủy điện Đa Krông 1 là 326.203.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	22.469.286.238	356.964.497.694
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	16.952.050.077	16.952.050.077
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.494.779.421)	(2.494.779.421)
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(343.590.000)	(343.590.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(16.669.945.500)	(16.669.945.500)
Tại ngày 30/06/2021	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	19.913.021.394	354.408.232.850
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	14.472.006.552	14.472.006.552
Tại ngày 01/01/2022	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	34.385.027.946	368.880.239.402
Lãi trong kỳ này	-	-	-	27.689.417.940	27.689.417.940
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.492.060.000)	(3.492.060.000)
Trích quỹ thường ban điều hành (*)	-	-	-	(389.883.000)	(389.883.000)
Tại ngày 30/06/2022	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	58.192.502.886	392.687.714.342

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2022.

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	246.989.600.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	86.409.310.000
Cộng	333.398.910.000	333.398.910.000

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.16.5. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	27.689.417.940	16.952.050.077
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.094.156.490
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	27.689.417.940	14.857.893.587
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	831	446

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được tính từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2022 được tính từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Điều lệ Công ty chưa quy định cụ thể mức trích quỹ đối với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm.

4.16.6. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2022 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 là 8%/vốn điều lệ bằng tiền. Ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 01/07/2022 theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 01/06/2022 và dự kiến thời gian thanh toán cổ tức từ 02/08/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Tại ngày 30/06/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Ngoại tệ các loại:		
Tiền		
- USD	3.376,06	15.376,06

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	70.077.037.121	56.416.719.872
Cộng	<u>70.077.037.121</u>	<u>56.416.719.872</u>
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	70.077.037.121	56.416.719.872

5.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn điện thương phẩm	30.740.991.487	28.119.484.372
Cộng	<u>30.740.991.487</u>	<u>28.119.484.372</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	1.013.313.010	692.156.589
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	10.298.675	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.416.932	-
Cộng	<u>1.025.028.617</u>	<u>692.156.589</u>

5.4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí lãi vay	5.639.191.391	6.584.210.751
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.022.996
Cộng	<u>5.639.191.391</u>	<u>6.585.233.747</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.644.098.524	2.028.158.395
Chi phí bằng tiền khác	2.634.237.414	2.486.873.423
Cộng	5.278.335.938	4.515.031.818

5.6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bồi thường	-	12.320.000
Thu nhập khác	10.000.000	-
Cộng	10.000.000	12.320.000

5.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại của 269 m đường dây ĐZ35kV ĐR1 đã tháo dỡ	135.734.620	-
Chi phí khác	-	25.930.342
Cộng	135.734.620	25.930.342

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.189.430	388.732.128
Chi phí nhân công	5.967.586.829	5.471.169.902
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.954.619.380	18.476.824.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.012.236.358	563.364.276
Chi phí khác bằng tiền	9.199.695.428	7.734.425.429
Cộng	36.019.327.425	32.634.516.190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.317.812.302	17.875.516.182
- Nhà máy Đăk Pône	28.802.238.120	23.026.132.958
- Nhà máy Đăk Rông 1	4.159.554.509	(1.779.029.838)
- Văn phòng	(3.643.980.327)	(3.371.586.938)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	505.264.748	593.805.917
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	505.264.748	593.805.917
+ Nhà máy Đăk Pône	105.902.198	81.967.197
+ Nhà máy Đăk Rông 1	1.764.291	26.942.507
+ Văn phòng	397.598.259	484.896.213
Tổng thu nhập chịu thuế	29.823.077.050	18.469.322.099
- Nhà máy Đăk Pône	28.908.140.318	23.108.100.155
- Nhà máy Đăk Rông 1	4.161.318.800	(1.752.087.331)
- Văn phòng	(3.246.382.068)	(2.886.690.725)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Nhà máy Đăk Pône	10%	10%
+ Nhà máy Đăk Rông 1	20%	20%
+ Văn phòng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.073.801.378	1.846.932.210
Giảm 50% thuế TNDN (Ưu đãi thuế TNDN)	1.445.407.016	923.466.105
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.628.394.362	923.466.105

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	23.494.656.372	28.247.328.186
Cộng	23.494.656.372	28.247.328.186

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Quảng Trị
- Chi nhánh Kon Tum

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Khu vực địa lý	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	42.800.999.808	35.256.544.145	27.276.037.313	21.160.175.727	70.077.037.121	56.416.719.872
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	42.800.999.808	35.256.544.145	27.276.037.313	21.160.175.727	70.077.037.121	56.416.719.872
Giá vốn hàng bán	-	-	13.727.234.637	12.030.372.001	17.013.756.850	16.089.112.371	30.740.991.487	28.119.484.372
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	29.073.765.171	23.226.172.144	10.262.280.463	5.071.063.356	39.336.045.634	28.297.235.500
Doanh thu hoạt động tài chính	1.025.008.972	692.109.433	10.811	25.302	8.834	21.854	1.025.028.617	692.156.589
Chi phí tài chính	-	1.022.996	-	-	5.639.191.391	6.584.210.751	5.639.191.391	6.585.233.747
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.668.989.299	4.074.993.375	271.537.862	200.064.488	337.808.777	239.973.955	5.278.335.938	4.515.031.818
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.643.980.327)	(3.383.906.938)	28.802.238.120	23.026.132.958	4.285.289.129	(1.753.099.496)	29.443.546.922	17.889.126.524
Thu nhập khác	-	12.320.000	-	-	10.000.000	-	10.000.000	12.320.000
Chi phí khác	-	-	-	-	135.734.620	25.930.342	135.734.620	25.930.342
Lợi nhuận khác	-	12.320.000	-	-	(125.734.620)	(25.930.342)	(125.734.620)	(13.610.342)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.643.980.327)	(3.371.586.938)	28.802.238.120	23.026.132.958	4.159.554.509	(1.779.029.838)	29.317.812.302	17.875.516.182
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.628.394.362	923.466.105	-	-	-	-	1.628.394.362	923.466.105
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(5.272.374.689)	(4.295.053.043)	28.802.238.120	23.026.132.958	4.159.554.509	(1.779.029.838)	27.689.417.940	16.952.050.077

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 78A Duy Tân, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định hữu hình	75.571.916	109.857.247	151.203.726.705	155.922.805.694	264.859.730.356	276.816.594.926	416.139.028.977	432.849.257.867
- Nguyên giá	2.142.699.977	2.142.699.977	307.723.788.824	306.189.114.091	342.321.517.502	341.740.080.398	652.188.006.303	650.071.894.466
- Giá trị hao mòn	(2.067.128.061)	(2.032.842.730)	(156.520.062.119)	(150.266.308.397)	(77.461.787.146)	(64.923.485.472)	(236.048.977.326)	(217.222.636.599)
Tài sản cố định vô hình	4.986.965.442	4.995.589.746	32.786.011	34.973.317	-	-	5.019.751.453	5.030.563.063
- Nguyên giá	5.099.053.349	5.099.053.349	43.746.060	43.746.060	-	-	5.142.799.409	5.142.799.409
- Giá trị hao mòn	(112.087.907)	(103.463.603)	(10.960.049)	(8.772.743)	-	-	(123.047.956)	(112.236.346)
Phải thu khách hàng	-	-	6.390.309.432	13.478.776.177	3.676.421.650	9.246.599.755	10.066.731.082	22.725.375.932
Phải trả người bán	132.544.026	168.838.305	33.259.927	33.259.927	39.648.822	31.077.554	205.452.775	233.175.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 Công ty Điện lực Kon Tum
 Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Cùng Công ty mẹ
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	10.066.731.082	22.725.375.932
Cộng - Xem thêm mục 4.3	<u>10.066.731.082</u>	<u>22.725.375.932</u>

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	10.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	<u>-</u>	<u>10.000.000</u>

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	3.778.192
Cộng - Xem thêm mục 4.12	<u>-</u>	<u>3.778.192</u>

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng: Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	70.077.037.121	56.416.719.872
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>70.077.037.121</u>	<u>56.416.719.872</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Điện lực Kon Tum	-	25.626.000
Cộng	-	25.626.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chia cổ tức:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	12.349.480.000
Cộng	-	12.349.480.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập Hội đồng quản trị:	529.587.200	378.570.736
Ông Ngô Tấn Hồng	272.936.000	202.758.736
Ông Nguyễn Thị Hương	60.684.000	37.674.000
Ông Trần Nhất Thắng	50.559.600	33.488.000
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	60.684.000	33.488.000
Ông Trần Đăng Hiền	60.684.000	33.488.000
Ông Nguyễn Lương Minh (Miễn nhiệm 24/05/2022)	24.039.600	37.674.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc:	562.888.000	347.067.427
Ông Nguyễn Dương Long	197.552.000	152.077.951
Ông Trần Vĩnh Trinh (Bổ nhiệm 01/01/2022)	103.012.000	-
Ông Nguyễn Lương Minh (Miễn nhiệm 01/06/2022)	262.324.000	194.989.476
Cộng	1.092.475.200	725.638.163

9. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Minh Hoài	166.403.000	162.000.000
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	50.559.600	33.488.000
Bà Trần Thị Minh Hà	50.559.600	33.488.000
Cộng	267.522.200	228.976.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ chi trả cổ tức 8%/ vốn điều lệ. Theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 01/06/2022, ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là 01/07/2022, thời gian thanh toán cổ tức là từ ngày 02/08/2022 vào ngày làm việc. Đến ngày phát hành báo cáo này Công ty vẫn đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ để thực hiện việc chi trả cổ tức.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Huy Khôi
Quyền Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Đặng Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

